

Soạn văn lớp 7:

Bài Từ trái nghĩa

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Thế nào là từ trái nghĩa?

Từ trái nghĩa là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau.

a) Tìm trong bản dịch thơ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh của Trương Như và Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê của Trần Trọng San các cặp từ trái nghĩa.

Gợi ý: Các cặp từ trái nghĩa: ngẩng - cúi (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh); trẻ - già, đi - trở lại (Ngẫu nhiên viết nhân buổi về quê).

b) Tìm từ trái nghĩa với từ già trong trường hợp rau già, cau già.

Gợi ý: trẻ - già trái nghĩa với nhau về tuổi tác; trong trường hợp rau già, cau già, trái nghĩa với già là non (rau non, cau non)

2. Sử dụng từ trái nghĩa

a) Nhận xét về nghệ thuật sử dụng từ trái nghĩa trong hai bản dịch thơ trên.

Gợi ý: Về cặp từ trái nghĩa ngẩng - cúi trong bài Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, hãy đọc đoạn văn sau:

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi đầu nhớ cố hương.

Tất cả diễn ra trong thoáng chốc (ngỡ – ngẩng đầu – cúi đầu) mà sao thấy một nỗi niềm khôn nguôi. Người lữ thứ cô đơn ngẩng đầu nhìn lên nơi mà ánh trăng đến, trăng vẫn sáng hoà điệu cùng những nỗi niềm. Người cúi đầu như sợ phải đối diện với trăng nhưng làm sao ra ngoài được nỗi nhớ. Lời thơ dứt mà mở ra mênh mang hoài cảm.

Bài thơ được làm theo hình thức cổ thể ngũ ngôn tuyệt cú. Cái tự do của hình thức thể hiện (so với Đường luật thì cổ thể không bị những quy tắc chặt chẽ về niêm, luật và đối ràng buộc) tỏ ra rất có hiệu quả khi diễn đạt mạch cảm xúc tự nhiên. Tuy thế, tác giả cũng đã sử dụng phép đối rất đặc địa ở hai câu cuối: Ngẩng đầu / Cúi đầu, nhìn trăng sáng / nhớ cố hương. Nguyên tác cho thấy đây là cặp đối rất chỉnh, về mặt từ loại: động từ / động từ (cử đầu / kê đầu, vọng / tư), tính từ / tính từ (minh / cố), danh từ / danh từ

(nguyệt / hương). Về mặt ý nghĩa, cặp đối tạo thành sự sóng đôi: Cảnh / tình (trăng / quê hương). Sự sóng đôi này chính là cấu tứ của bài thơ. Cảnh gợi tình, trăng gợi nhớ quê hương, rồi đến lúc con người chìm đắm trong nỗi nhớ, trăng thấm đẫm vào hồn. Cái cúi đầu như lặng lẽ, như buồn tủi...

(Rèn kĩ năng cảm thụ thơ văn cho học sinh lớp 7, NXB ĐHQG HCM, 2004)

Về cặp từ trẻ - già, đi - trở lại, hãy tham khảo đoạn văn sau:

Hai câu đầu của bài thơ này có hình thức tiểu đối:

Thiếu tiểu li gia / lão đại hồi

(Trẻ đi, già trở lại nhà)

Hương âm vô cải, mấn mao tòi

(Giọng quê không đổi, sương pha mái đầu)

Hai câu đối, mỗi câu hai vế, mỗi vế có hai bộ phận đối nhau rất chính. Lí gia đối với đại hồi, hương âm đối với mấn mao là chính cả ý lẫn lời; thiếu tiểu đối với lão, vô cải đối với tòi tuy có hơi chênh về lời song về ý rất chính (thiếu tiểu: còn nhỏ; lão: về già; vô cải: không thay đổi; tòi: chỉ sự thay đổi). Xét về ý nghĩa ngữ pháp, thiếu tiểu và lão đều là chủ ngữ cũng như vô cải và tòi đều là vị ngữ, hai câu đối đọc lên nghe rất hài hoà.

(Rèn kĩ năng cảm thụ thơ văn cho học sinh lớp 7, NXB ĐHQG HCM, 2004)

b) Hãy tìm những cặp từ trái nghĩa trong các câu thành ngữ sau và cho biết tác dụng biểu đạt của chúng.

- Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng
- Trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay
- Diếc tai cày, sáng tai họ

Gợi ý: Các từ trái nghĩa chủ yếu được sử dụng nhằm tạo mối liên hệ tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.

II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

1. Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ sau:

(1) Chị em như chuối nhiều tàu

Tám lành che tám rách, đừng nói nhau nhiều lời

(2) Số cô chẳng giàu thì nghèo,

Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà.

(3) Ba năm được một chuyến sai,

Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

(4) Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Gợi ý: Tắm lành - tắm rách, giàu - nghèo, ngắn - dài, đêm - ngày, sáng - tối.

2. Tìm các từ trái nghĩa với những từ in đậm trong các cụm từ sau:

| | | |
|------|-------------|--|
| tươi | cá tươi | |
| | hoa tươi | |
| yếu | ăn yếu | |
| | học lực yếu | |
| xấu | chữ xấu | |
| | đất xấu | |

Gợi ý: Không phải bất kì từ nào trái nghĩa với các từ tươi, yếu, xấu cũng có thể ghép với các tiếng cá, hoa, ăn, học lực, chữ, đất để tạo thành các từ trái nghĩa với cá tươi, hoa tươi, ăn yếu, học lực yếu, chữ xấu, đất xấu, chẳng hạn: không thể nói học lực khoẻ mặc dù khoẻ trái nghĩa với yếu. Các từ có thể tìm được là: cá uơn, hoa héo, ăn khoẻ, học lực giỏi, chữ đẹp, đất tốt.

3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau:

(1) Chân ... đá mềm

(6) Vô thưởng vô ...

(2) Có đi có ...

(7) Bên ... bên khinh

(3) Gần nhà ... ngõ

(8) Buổi ... buổi cái

(4) Mắt nhắm mắt ...

(9) Bước thấp bước ...

(5) Chạy sấp chạy ...

(10) Chân ướt chân ...

Gợi ý: (1) - cứng; (2) - lại; (3) - nhà; (4) - mở; (5) - ngựa; (6) - phạt; (7) - trọng; (8) - đực; (9) - cao; (10) - ráo.

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa.

Gợi ý: Kết hợp giữa những kiến thức về từ trái nghĩa với kiến thức về văn biểu cảm để viết. Không nên quá gò ép trong việc sử dụng từ trái nghĩa, cần phải chú ý đến chủ đề của đoạn, mạch lạc khi triển khai ý.

Tham khảo đoạn văn:

Đối với người, ai làm gì lợi cho nhân dân cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kì ai làm gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù. Đối với mình, những tư tưởng và hành động có lợi cho Tổ quốc cho đồng bào là bạn. Những tư tưởng và hành động có hại cho Tổ quốc và đồng bào là kẻ thù.

(Hồ Chí Minh)

Gợi ý:

- Các từ trái nghĩa: lợi - hại, bạn - kẻ thù.

- Sự sóng đôi của các từ trái nghĩa có tác dụng gây ấn tượng tương phản cho hình tượng, nêu bật được bản chất của cái được nói đến, giúp cho lời văn nhịp nhàng, tăng sức liên kết,...